TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày: 17/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảy
2. Ông Đoàn Văn Vui

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Ông Trần Quốc Bửu – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trương Minh T, sinh năm 2000. Tên gọi khác: không. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Trương Minh H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre và bà Huỳnh Kiều O, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Dương Thanh N, sinh năm 2001; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Con: có 01 người, tên Trương Minh Đ, sinh năm 2020.

Tiền sự: không.

Tiền án: 02 (Ngày 16/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 23/4/2019. Ngày 07/10/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 05/6/2023).

Nhân thân: Ngày 15/8/2023 bị Công an huyện M xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giam từ ngày 22/11/2023 đến nay.

Bị cáo có mặt tại Tòa.

2. Nguyễn Nhựt K, sinh năm 1995. Tên gọi khác: không. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1956 và bà Trần Thị L, sinh năm 1953. Cùng trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 03/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo Nguyễn Nhựt K bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/11/2023 đến nay.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Bị hại:

- Đoàn Quang P, sinh năm 1985; *(có mặt)*

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Nguyễn Văn K1, sinh năm 1962; *(có mặt)*

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Phan Văn Hữu T1, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T1*:* Huỳnh Ngọc T2, sinh năm 1983; *(có mặt)*

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Cao Thị T3, sinh năm 1993; *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Nơi tạm trú: 1146 đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Huỳnh Thị Thanh T4, sinh năm 1963; *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn H1, sinh năm 1989; *(có mặt)*

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người làm chứng:

- Lý Hùng T5, sinh năm 1965; *(có mặt)*

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Trương Minh H, sinh năm 1978; *(có mặt)*

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm nhưng muốn có tiền tiêu xài nên Trương Minh T đã có hai tiền án về tội trộm cắp tài sản, vừa mới ra tù T đã rủ rê Nguyễn Nhựt K thực hiện nhiều hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 30/7/2023 Nguyễn Nhựt K điều khiển xe đạp chở Trương Minh T đến nhà anh Nguyễn Văn K1 (sinh ngày 01/01/1962, cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre). Khi đến nhà ông K1, T kêu K ở ngoài cảnh giới, T leo rào vào lấy trộm một máy tính bảng hiệu SAMSUNG và một điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A32 để trên bàn và một điện thoại hiệu VIVO V10 để trên tủ tivi và 900.000 đồng trong áo khoác máng trên sào đồ rồi leo ra ngoài.

Đến sáng cùng ngày T cùng K đến tiệm N2 (ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre) bán hai điện thoại và một máy tính bảng cho anh Nguyễn H1 được 3.000.000 đồng, hai bị cáo chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Vào rạng sáng ngày 04/8/2023, Nguyễn Nhựt K điều khiển xe đạp chở Trương Minh T đến nhà anh Phan Văn Hữu T1 (sinh ngày 19/02/1982, cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre). Đến nhà anh T1, T nói K ở ngoài cảnh giới, T leo rào vào nhà, đến phòng ngủ lén lút lấy một điện thoại hiệu REDMI, một điện thoại hiệu IPHONE 6 PLUS, một điện thoại hiệu SAMSUNG A20 và lục ví lấy 1.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Sau khi lấy trộm ở nhà anh Phan Văn Hữu T1, vào rạng sáng ngày 04/8/2023, Trương Minh T và Nguyễn Nhựt K tiếp tục đến nhà anh Đoàn Quang P (sinh ngày 01/01/1985, cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre). K tiếp tục ở ngoài cảnh giới, T leo rào vào, đến phòng ngủ lấy trộm một điện thoại hiệu IPHONE 11 màu đỏ trên nệm, một điện thoại hiệu SAMSUNG loại bàn phím trên đầu tủ và lục ví lấy 2.000.000 đồng.

Đến sáng cùng ngày Trương Minh T đến tiệm N2 ở ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, bán cho anh Nguyễn H1 một điện thoại hiệu RED MI, một điện thoại hiệu SAMSUNG được 2.000.000 đồng. Khi có được tiền T chia K 3.000.000 đồng và một điện thoại hiệu IPHONE 6 PLUS nhưng mượn lại 1.000.000 đồng, T giữ một điện thoại hiệu IPHONE 11 màu đỏ và một điện thoại di động hiệu SAMSUNG loại bàn phím nhưng sau đó T làm mất điện thoại bàn phím, K làm mất điện thoại IPHONE 6 PLUS.

Vụ thứ tư: Vào rạng sáng ngày 05/8/2023, Trương Minh T và Nguyễn Nhựt K đi bộ ngang nhà ông Lý Hùng T5 (sinh năm 1965, cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre), thấy nhà sáng đèn nhưng không thấy người nên T kêu K ở ngoài cảnh giới, T vào lấy trộm một điện thoại hiệu IPHONE 12 PROMAX để trên nệm của chị Cao Thị T3 (sinh ngày 30/4/1993, cư trú khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh

Bình Phước), lấy một điện thoại hiệu SAMSUNG S8 và 450.000 đồng để trên đầu tủ của chị Huỳnh Thị Thanh T4 (sinh ngày 01/01/1967, cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre). Trước đó khi T đi vào nhà ông T5 để lấy trộm tài sản, do lo sợ bị phát hiện nên K tự ý bỏ về trước, không cảnh giới cho T.

Đến sáng cùng ngày T đến tiệm N2 bán một điện thoại IPHONE 12 PRO MAX và một điện thoại IPHONE màu đỏ trộm ở nhà anh Đoàn Quang P trước đó được 2.000.000 đồng, T giữ một điện thoại hiệu SAMSUNG S8 để sử dụng và đã làm vỡ.

Vật chứng:

Anh Nguyễn H1 giao nộp:

+ 01 điện thoại hiệu IPHONE 12 PROMAX màu vàng, đã trả cho bị hại Cao Thị T3.

+ 01 điện thoại hiệu IPHONE 11 màu đỏ, đã trả cho bị hại Đoàn Quang P.

+ 01 điện thoại hiệu REDMI NOTE 12 màu đen, đã trả cho bị hại Phan Văn Hữu T1.

+ 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG TAB 7 LITE màu đen, đã trả cho bị hại Nguyễn Văn K1.

+ 01 điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A32 màu đen, đã trả cho bị hại Nguyễn Văn K1.

+ 01 điện thoại hiệu OPPO A5S màu đỏ, đã trả lại cho anh Nguyễn Huy .

+ 01 điện thoại hiệu OPPO RENO 82 màu vàng, đã trả lại cho anh Nguyễn Huy .

+ 01 điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A51 màu đen, đã trả lại cho anh Nguyễn Huy . í

- Bị cáo Trương Minh T giao nộp: một điện thoại hiệu SAMSUNG S8 màu bạc, vỡ nát khung sườn, nắp lưng, màn hình bung các linh kiện bên trong, đã trả cho bị hại Huỳnh Thị Thanh T4.

- Bị hại Phan Văn Hữu T1 giao nộp: một hộp điện thoại có chữ REDMI NOTE 12, 4 GB RAM, 128 GB ROM, đã trả lại cho bị hại Phan Văn Hữu T1.

- Bị hại Nguyễn Văn K1 giao nộp: một hộp máy tính bảng có chữ GALAXY TAB A7 LITE, RAM 3 GB, ROM 32 GB và 01 hộp điện thoại có chữ GALAXY A32 SAMSUNG, RAM 6 GB, ROM 128 GB, đã trả cho bị hại Nguyễn Văn K1.

Theo Bản kết luận định giá tài sản 29/KL-HĐĐG ngày 11/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 11, màu đỏ, bộ nhớ 128GB, giá 5.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động phím bấm, không rõ đặc điểm, giá 150.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu vàng, giá 6.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu REDMI NOTE 12, màu đen, giá 1.500.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG A32, màu đen, giá 1.300.000 đồng.

- 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG TAB 7 LITE, màu đen, giá 1.000.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản là 14.950.000 đồng.

Theo Bản kết luận định giá tài sản 01/KL-HĐĐG ngày 19/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận:

01 điện thoại di động hiệu VIVO V10, màu xanh, không rõ cấu hình, giá 380.000 đồng.

01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 PLUS, không rõ cấu hình, giá 900.000 đồng.

01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG A20, màu đen, không rõ cấu hình, giá 1.000.000 đồng.

01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG S8, màu bạc, giá 850.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản là 3.130.000 đồng.

Phần dân sự:

Bị hại Nguyễn Văn K1 yêu cầu bồi thường tổng trị giá điện thoại và tiền bị mất là 7.000.000 đồng, bị cáo T đồng ý 3.400.000 đồng, bị cáo K đồng ý 900.000 đồng nhưng cả hai chưa bồi thường.

Bị hại Phan Văn Hữu T1 yêu cầu bồi thường tổng trị giá điện thoại và tiền bị mất là 11.900.000 đồng, bị cáo T đồng ý 2.900.000 đồng, bị cáo K đồng ý 900.000 đồng nhưng cả hai chưa bồi thường.

Bị hại Đoàn Quang P yêu cầu bồi thường tổng giá trị điện thoại và tiền bị mất là 2.150.000 đồng, bị cáo T đồng ý nhưng chưa bồi thường, bị cáo K không đồng ý bồi thường.

Bị hại Cao Thị T3 và Huỳnh Thị Thanh T4 không yêu cầu bồi thường dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn H1 không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự nên không xem xét

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSMCB, ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã truy tố các bị cáo Trương Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị

cáo Nguyễn Nhựt K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Nguyễn Văn K1 trình bày: yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị mất trộm là 4.500.000 đồng và bồi thường giá trị tài sản là điện thoại (VIVO V10, màu xanh) không thu hồi được, được định giá là 380.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị hại Phan Văn Hữu T1 trình bày: yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị mất trộm là 10.000.000 đồng và bồi thường giá trị tài sản là điện thoại (IPHONE 6 PLUS và S) không thu hồi được, được định giá là 1.900.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Đoàn Quang P trình bày: yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị mất trộm là 2.000.000 đồng và bồi thường giá trị tài sản là điện thoại (S bàn phím) không thu hồi được, được định giá là 150.000 đồng.

Bị hại Cao Thị T3 và Huỳnh Thị Thanh T4 cùng có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì về phần dân sự đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm g, khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trương Minh T từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt K từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên thấy rằng nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo cũng không có khả năng thi hành nên không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị:

Ghi nhận trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả tài sản cho:

+ Bị hại Cao Thị T3 01 điện thoại hiệu IPHONE 12 PROMAX màu vàng.

+ Bị hại Đoàn Quang P 01 điện thoại hiệu IPHONE 11 màu đỏ.

+ Bị hại Phan Văn Hữu T1 01 điện thoại hiệu REDMI NOTE 12 màu đen và 01 hộp điện thoại có chữ REDMI NOTE 12, 4 GB RAM, 128 GB ROM.

+ Bị hại Nguyễn Văn K1 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG TAB 7 LITE màu đen, 01 điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A32 màu đen và 01 hộp máy tính bảng có chữ GALAXY TAB A7 LITE, RAM 3 GB, ROM 32 GB, 01 hộp điện thoại có chữ GALAXY A32 SAMSUNG, RAM 6 GB, ROM 128 GB.

+ Anh Nguyễn H1 01 điện thoại hiệu OPPO A5S màu đỏ, 01 điện thoại hiệu OPPO RENO 82 màu vàng, 01 điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A51 màu đen.

Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị buộc bị cáo Trương Minh T và Nguyễn Nhựt K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn K1 số tiền là 1.280.000 đồng.

Đề nghị buộc bị cáo Trương Minh T và Nguyễn Nhựt K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Phan Văn Hữu T1 số tiền là 2.900.000 đồng.

Đề nghị ghi nhận bị cáo Trương Minh T và Nguyễn Nhựt K đồng ý có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Đoàn Quang P số tiền là 2.150.000 đồng.

Đề nghị ghi nhận bị hại Cao Thị T3 và Huỳnh Thị Thanh T4 không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đề nghị ghi nhận người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn H1 không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự.

Các bị cáo Trương Minh T, Nguyễn Nhựt K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo; thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát nên không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T: bị cáo xin lỗi các bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo K: bị cáo xin lỗi các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Minh T, Nguyễn Nhựt K thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo; lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù đã hai lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng do không có nghề nghiệp và công việc ổn định nên Trương Minh T rủ Nguyễn Nhựt K liên tục thực hiện nhiều hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể: vào đêm 30/7/2023 chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn K1 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG, 01 điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A32, 01 điện thoại hiệu VIVO VI0 và 900.000 đồng, tổng trị giá tài sản của ông K1 là 3.580.000 đồng; vào đêm 04/8/2023 chiếm đoạt của ông Phan Văn Hữu T1 01 điện thoại hiệu REDMI, 01 điện thoại hiệu IPHONE 6 PLUS, 01 điện thoại hiệu SAMSUNG và 1.000.000 đồng, tổng trị giá tài sản của ông T1 là 4.400.000 đồng; vào đêm 04/8/2023 chiếm đoạt của ông Đoàn Quang P 01 điện thoại hiệu IPHONE 11 màu đỏ, 01 điện thoại hiệu SAMSUNG loại bàn phím và 2.000.000 đồng, tổng trị giá tài sản của ông P là 7.150.000 đồng; vào đêm 05/8/2023 Trương Minh T chiếm đoạt 01 điện thoại hiệu IPHONE 12 PRO MAX của Cao Thị T3, chiếm đoạt 01 điện thoại hiệu SAMSUNG S8 và 450.000 đồng của chị Huỳnh Thị Thanh T4, tổng trị giá là 7.300.000 đồng.

Tổng trị giá các tài sản Trương Minh T và Nguyễn Nhựt K chiếm đoạt là 22.430.000 đồng, trong đó T chiếm đoạt 22.430.000 đồng, K chiếm đoạt 15.130.000 đồng.

Vì vậy, Cáo trạng số: 16/CT-VKSMCB, ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc truy tố các bị cáo Trương Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Nhựt K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bì phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

……

b) Có tính chất chuyên nghiệp.

……

g) Tái phạm nguy hiểm ".

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại. Khi thực hiện hành vi của mình các bị cáo đều ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, mong muốn có được tài sản của người khác nên vẫn cố ý thực hiện, điều này đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy bị cáo phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Trương Minh T đang có tiền án về hành vi trộm cắp tài sản nhưng lại tiếp tục nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác vào các ngày 30/7/2023, ngày 04/8/2023 (thực hiện hai hành vi lén lút trộm tài sản) và ngày 05/8/2023 nên bị cáo bị áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Nhựt K tuy không có tiền án tiền sự nhưng đã cùng T thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp tài sản (ba lần) nên cũng phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo T và bị cáo K có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] Bị cáo Trương Minh T đang có hai tiền án về hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo là người có nhân thân xấu. Ngoài ra bị cáo còn bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy 02 lần và đã liên tục thực hiện 04 hành vi trộm cắp tài sản mỗi lần trộm đều trên 2.000.000 đồng (đây là hành vi mang tính chuyên nghiệp). Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, mong muốn có được tài sản của người khác không qua lao động chân chính nên bị cáo đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại với trị giá tài sản chiếm đoạt là 22.430.000 đồng. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[7.2] Đối với bị cáo Nguyễn Nhựt K, bị cáo tuy không có tiền án nhưng đã từng bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn là người có nhân thân xấu. Bị cáo đã có hành vi 03 lần cùng với bị cáo T trộm cắp tài sản (mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng) và tài sản chiếm đoạt có giá trị lớn (15.130.000 đồng) nên cũng cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[7.3] Bị cáo T và bị cáo K cũng cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên được xem là đồng phạm với nhau trong vụ án này. Tuy nhiên, giữa các bị cáo nhưng chỉ là đồng phạm mang tính chất giản đơn không có sự cấu kết, phân công nhiệm vụ chặt chẽ. Do đó, khi lượng hình thì Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt của bị cáo K ít nghiêm khắc hơn so với bị cáo T.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: không áp dụng.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 ghi nhận trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả tài sản cho:

+ Bị hại Cao Thị T3 01 điện thoại hiệu IPHONE 12 PROMAX màu vàng.

+ Bị hại Đoàn Quang P 01 điện thoại hiệu IPHONE 11 màu đỏ.

+ Bị hại Phan Văn Hữu T1 01 điện thoại hiệu REDMI NOTE 12 màu đen và 01 hộp điện thoại có chữ REDMI NOTE 12, 4 GB RAM, 128 GB ROM.

+ Bị hại Nguyễn Văn K1 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG TAB 7 LITE màu đen và 01 điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A32 màu đen và 01 hộp máy tính bảng có chữ GALAXY TAB A7 LITE, RAM 3 GB, ROM 32 GB và 01 hộp điện thoại có chữ GALAXY A32 SAMSUNG, RAM 6 GB, ROM 128 GB.

+ Anh Nguyễn H1 01 điện thoại hiệu OPPO A5S màu đỏ, 01 điện thoại hiệu OPPO RENO 82 màu vàng, 01 điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A51 màu đen.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

[10.1] Xét yêu cầu của bị hại Nguyễn Văn K1, Hội đồng xét xử thấy rằng bị hại K1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị mất là 4.500.000 đồng và giá trị điện thoại chưa thu hồi được theo định giá là 380.000 đồng nhưng quá trình điều tra bị hại không chứng minh được số tiền đã bị mất là 4.500.000 đồng, trong khi đó bị cáo chỉ thừa nhận lấy trộm của bị hại 900.000 đồng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị hại Nguyễn Văn K1. Quá trình điều tra bị cáo T và K đồng ý bồi thường cho bị hại K1 tổng số tiền 1.280.000 đồng nên cần buộc bị cáo T và K có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn K1 số tiền 1.280.000 đồng là phù hợp.

[10.2] Xét yêu cầu của bị hại bị hại Phan Văn Hữu T1, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị hại T1 yêu cầu bồi thường tổng trị giá điện thoại và tiền bị mất là 11.900.000 đồng (tiền bị mất là 10.000.000 đồng và điện thoại bị mất theo định giá là 1.900.000 đồng). Quá trình điều tra bị hại T1 cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh được số tiền đã bị mất là 10.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị hại T1. Các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại T1 giá trị tài sản đã lấy là điện thoại iphone 6plus định giá là 900.000 đồng, điện thoại S A20 định giá là 1.000.000 đồng và thừa nhận tiền mặt đã lấy trộm là 1.000.000 đồng nên cần buộc các bị cáo bồi thường tổng cộng 2.900.000 đồng là phù hợp.

[10.3] Đối với yêu cầu của bị hại Đoàn Quang P, giữa bị cáo và bị hại P thống nhất về giá trị tài sản bị trộm và thiệt hại là 2.150.000 đồng, hai bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10.4] Đối với bị hại Cao Thị T3 và Huỳnh Thị Thanh T4 không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10.5] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn H1 không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự nên không xem xét. Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn H1 (người mua điện thoại do bị cáo đem bán) không biết điện thoại là do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[11] Luận tội và tranh luận của kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt, đề nghị xử lý vật chứng là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về trách nhiệm hình sự:

[1.1] Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Trương Minh T, Nguyễn Nhựt K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[1.2] Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm g, khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trương Minh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2023.

[1.3] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt K 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Về áp dụng hình phạt bổ sung: không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[2]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, ghi nhận trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả tài sản cho:

+ Bị hại Cao Thị T3 01 điện thoại hiệu IPHONE 12 PROMAX màu vàng.

+ Bị hại Đoàn Quang P 01 điện thoại hiệu IPHONE 11 màu đỏ.

+ Bị hại Phan Văn Hữu T1 01 điện thoại hiệu REDMI NOTE 12 màu đen và 01 hộp điện thoại có chữ REDMI NOTE 12, 4 GB RAM, 128 GB ROM.

+ Bị hại Nguyễn Văn K1 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG TAB 7 LITE màu đen và 01 điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A32 màu đen và 01 hộp máy tính bảng có chữ GALAXY TAB A7 LITE, RAM 3 GB, ROM 32 GB và 01 hộp điện thoại có chữ GALAXY A32 SAMSUNG, RAM 6 GB, ROM 128 GB.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn H1 01 điện thoại hiệu OPPO A5S màu đỏ, 01 điện thoại hiệu OPPO RENO 82 màu vàng, 01 điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A51 màu đen.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

[3.1] Buộc bị cáo Trương Minh T và Nguyễn Nhựt K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn K1 số tiền 1.280.000 đồng.

[3.2] Buộc bị cáo Trương Minh T và Nguyễn Nhựt K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Phan Văn Hữu T1 số tiền 2.900.000 đồng.

[3.3] Buộc bị cáo Trương Minh T và Nguyễn Nhựt K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Đoàn Quang P số tiền 2.150.000 đồng.

[3.4] Ghi nhận bị hại Cao Thị T3 và Huỳnh Thị Thanh T4 không yêu cầu bồi thường dân sự.

[3.5] Ghi nhận người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn H1 không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc mỗi bị cáo Trương Minh T, Nguyễn Nhựt K phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: buộc bị cáo Trương Minh T, Nguyễn Nhựt K phải liên đới nộp 317.000 đồng.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mỏ cày Bắc;
- Công an huyện Mỏ cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ cày Bắc;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh